

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Tân

Bà Cao Thị Mận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 749/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1974

Địa chỉ: ấp 4, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị Huyền G, sinh năm: 1981

Địa chỉ: ấp 4, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày: anh và chị Hoàng Thị Huyền G tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống hôn nhân của anh chị ban đầu hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh chị cảm thấy không còn hợp nhau nữa nên đã sống ly thân khoảng 03 năm

nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng đã không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Giao.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 25/9/2007 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12/9/2012. Khi ly hôn, anh giao cháu Nguyễn Minh N và cháu Nguyễn Minh Đ cho chị G nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng để chị G nuôi dưỡng cháu N và cháu Đ hàng tháng là 2.500.000 đồng mỗi cháu, hai cháu là 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

Anh T xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Hoàng Thị Huyền G trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Quá trình chung sống, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện nay, thuận giữa anh chị đã trầm trọng nên chị đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như anh T trình bày. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai cháu Nguyễn Minh N và Nguyễn Minh Đ. Chị đồng ý với mức cấp dưỡng mà anh T cấp dưỡng để chị nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng/02 con.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

Chị G xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Nguyễn Hữu T được ly hôn với chị Hoàng Thị Huyền G. Về con chung: anh T và chị G thống nhất giao cháu Nguyễn Minh N và cháu Nguyễn Minh Đ cho chị G nuôi dưỡng nên đề nghị ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T tự nguyện cấp dưỡng để chị G nuôi dưỡng cháu N và cháu Đ hàng tháng là 2.500.000 đồng mỗi cháu, hai cháu là 5.000.000 đồng nên đề Hội đồng xét xử nghị ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hữu T và chị Hoàng Thị Huyền G có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Hoàng Thị Huyền G tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Anh T và chị G đều thừa nhận cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Anh T trình bày anh chị đã sống ly thân với nhau khoảng 03 năm nay và chị G đồng ý ly hôn với anh T. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của anh T và chị G mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị G là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 25/9/2007 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12/9/2012. Anh T và chị G có lời trình bày thống nhất giao cháu Nguyễn Minh N và cháu Nguyễn Minh Đ cho chị G nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Nguyễn Minh N và cháu Nguyễn Minh Đ đều có nguyện vọng được sống với chị G nên giao cháu N và cháu Đ cho chị G nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T tự nguyện cấp dưỡng để chị G nuôi dưỡng cháu N và cháu Đ hàng tháng là 2.500.000 đồng mỗi cháu, hai cháu là 5.000.000 đồng. Chị G đồng ý với mức cấp dưỡng nêu trên, nên buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu N và cháu Đ hàng tháng là 2.500.000 đồng mỗi cháu.

[4] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị G trình bày anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh T và chị G trình bày anh chị không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho anh Nguyễn Hữu T được ly hôn với chị Hoàng Thị Huyền G.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 25/9/2007 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12/9/2012 cho chị Hoàng Thị Huyền G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con:

Anh Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ cấp dưỡng để chị Hoàng Thị Huyền G nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh N số tiền là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*)/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Minh N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ cấp dưỡng để chị Hoàng Thị Huyền G nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Đ số tiền là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*)/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Minh Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Hữu T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con của chị Hoàng Thị Huyền G.

Khi cần thiết, anh Nguyễn Hữu T và chị Hoàng Thị Huyền G được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: không giải quyết.

4. Về nợ chung: không giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*

đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí anh Nguyễn Hữu T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai thu số 0004498 ngày 27 tháng 11 năm 2020 được khấu trừ vào án phí. Anh Nguyễn Hữu T còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Hữu T và chị Hoàng Thị Huyền G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

7. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh